

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 11 - 11 - 2019.
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H- TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Xuân Hòa.

2. Ông Nguyễn Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Quyên- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 566/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Thái H - Sinh năm 1971.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 6, khu 3B, phường G, thành phố H, tỉnh Q. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Cao Văn H1 - Sinh năm 1969.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 6, khu 3B, phường G, thành phố H, tỉnh Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2019, bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là chị Ngô Thị Thái H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Văn H1 kết hôn vào ngày 23 tháng 11 năm 2001 tại UBND phường H1, thành phố H, tỉnh Q. Trước khi kết hôn thì anh chị đều là những người chưa có vợ có chồng và có thời gian tìm hiểu, yêu thương

n nhau khoảng 01 (một) năm. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong quá trình chung sống, anh H1 thỉnh thoảng có những lời nói xúc phạm chị và bố mẹ đẻ của chị. Ngoài ra, vào năm 2016 anh H1 bị tai nạn và bị thương ở vùng đầu nên sau khi điều trị tính cách của anh H1 thay đổi, thường xuyên uống rượu. Anh H1 hay cáu gắt, có lời nói xúc phạm, mắng chửi chị và bố mẹ đẻ của chị nhiều hơn. Chị đã cố gắng chịu đựng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn không thay đổi mà ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 4 năm 2017, anh chị tuy sống chung một nhà nhưng đã ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra thì người thân hai bên gia đình đều biết và có khuyên can, hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Cao Văn H1.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung là: Cao Thế Anh- Sinh ngày 23/07/2002 và Cao Ngọc Bích- Sinh ngày 05/09/2006. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), chị không yêu cầu anh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Anh, chị không vay nợ của tổ chức hay cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/10/2019, biên bản hòa giải ngày 24/10/2019 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Cao Văn H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2016, anh gặp tai nạn, mất một phần sọ não nên anh bị di chứng dẫn đến tính tình thay đổi, ít nói và hay xảy ra cáu gắt, to tiếng với chị H. Ngoài ra, giữa anh chị cũng xảy ra mâu thuẫn liên quan đến kinh tế gia đình, chị H có cầm tiền của hai vợ chồng đi đầu tư mua bán đất và sinh lãi. Anh nghĩ rằng chị H sử dụng tiền lãi đó để nuôi con và chi tiêu cho sinh hoạt gia đình nên anh không đóng góp kinh tế cho chị H, dẫn đến việc chị H cho rằng anh không có trách nhiệm trong việc đóng góp kinh tế xây dựng gia đình, chăm sóc con cái. Từ thời điểm năm 2016, kể từ khi anh bị tai nạn, vợ chồng anh chị đã không còn ngủ chung, mỗi người ở một phòng riêng, ít khi nói chuyện với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra thì người thân hai bên gia đình đều biết và có khuyên can, hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay, anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình chăm sóc con chung.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Như chị H trình bày là đúng, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân, khu phố nơi chị H và anh H1 sinh sống thì được biết vợ chồng anh H1, chị H đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là sau khi anh H1 bị tai nạn giao thông vào năm 2016 thì tính tình anh H1 thay đổi, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 24/10/2019 của cháu Cao Thế A, sinh ngày 23/7/2002 và cháu Cao Ngọc B, sinh ngày 05/9/2006, con chung của chị H và anh H1 có nguyện vọng ở với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Q tham gia tố tụng tại phiên tòa nêu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, cụ thể:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị HĐXX giải quyết: Chị Ngô Thị Thái H được ly hôn anh Cao Văn H1 và giao 02 (hai) con chung là Cao Thế A - Sinh ngày 23/07/2002 và Cao Ngọc B - Sinh ngày 05/09/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thái H và anh Cao Văn H1 chung sống, đăng ký kết hôn ngày 23/11/2001 tại Ủy ban nhân dân phường H1, thành phố

H, tình Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian nH đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2016 anh H1 bị tai nạn nên tính tình thay đổi, hay cáu gắt. Anh H1 có to tiếng, xúc phạm chị H nên tình cảm vợ chồng không gắn bó. Ngoài ra, anh chị còn bất đồng quan điểm trong việc lo toan kinh tế, đời sống trong gia đình. Anh H1, chị H đều xác nhận từ đầu năm 2017 đến nay, anh chị tuy sống cùng nhà nH mỗi người một phòng, vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Anh H1 đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, chị H không đồng ý. Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân, khu phố nơi chị H và anh H1 sinh sống thì được biết vợ chồng anh H1, chị H đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vào năm 2016 anh H1 bị tai nạn nên tính tình thay đổi, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, hai người sống ly thân nhau thời gian dài, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất có 02 con chung là: Cao Thế Anh- Sinh ngày 23/07/2002 và Cao Ngọc Bích- Sinh ngày 05/09/2006.

Chị H và anh H1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 (hai) con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H1, chị H đều xác nhận việc lo toan kinh tế và chăm sóc trong gia đình đều do chị H đảm nhiệm. Anh H1 làm nghề xây dựng thường phải đi làm xa nhà, có khi một đến hai tuần mới về nhà. Mặt khác, các con chung đều có nguyện vọng được ở với chị H nên giao con cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận tiện hơn cho việc chăm sóc, đảm bảo phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, nguyện vọng nuôi con của chị H phù hợp với nguyện vọng của cháu Cao Ngọc Bích và Cao Thế Anh và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về khoản nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 - Luật Hôn nhân gia và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 – Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu “xin ly hôn” của nguyên đơn chị Ngô Thị Thái H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thái H được ly hôn với anh Cao Văn H1.

Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là Cao Thê A - Sinh ngày 23/07/2002 và Cao Ngọc B- Sinh ngày 05/09/2006 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ngô Thị Thái H phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001728, ngày 08/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Q.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Q;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường H1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đạt